

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VĨNH PHÚC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỈNH SỬA, BỔ SUNG

TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 382/QĐ-CDNVP, ngày 29/8/2019
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng nghề Vĩnh Phúc)*

Vĩnh phúc, tháng 8 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 382/QĐ-CDN ngày 29 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Vinh Phúc)

Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy (Có thể thực hiện theo 3 phương thức đào tạo: Niên chế, tích lũy mô đun, tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Những người tốt nghiệp Trung học cơ sở; Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ngành, nghề Công nghệ ô tô; có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo trung cấp; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo trình độ trung cấp Công nghệ ô tô, người học có khả năng thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính tương đối phức tạp của lĩnh vực Công nghệ ô tô; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc thực tiễn của nghề, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc cụ thể như sau:

1.2.1. Kiến thức

+ Kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của ngành, nghề Công nghệ ô tô.

+ Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành, nghề Công nghệ ô tô.

+ Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề, nghiệp thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin.

+ Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề Công nghệ ô tô trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phân biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc:

+ Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao, giải quyết các tình huống trong thực tế sản xuất, kinh doanh; có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

+ Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

+ Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của nhóm.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người lao động kỹ thuật có trình độ Trung cấp sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo; được phân công làm việc ở các vị trí:

+ thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô;

+ Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;

+ Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;

+ Tự mở xưởng dịch vụ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 17

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 71 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.620 giờ

- Khối lượng lý thuyết 367 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.432 giờ; Thi, kiểm tra: 67 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	14	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	2	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	55	1.620	282	1.284	54
II.1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc	13	240	140	85	15
MH 07	Vẽ kỹ thuật	3	45	42	0	3
MH 08	Vật liệu và nguyên lý máy	4	60	56	0	4
MH 09	Ô tô đại cương và an toàn lao động	3	45	42	0	3
MH 10	Sửa chữa cơ khí cơ bản	3	90	0	85	5
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn bắt buộc	30	750	142	569	39
MĐ 11	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	6	150	28	114	8
MĐ 12	Bảo dưỡng hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ đốt trong	4	105	15	87	3
MĐ 13	Bảo dưỡng trang bị điện ô tô	6	150	28	114	8
MĐ 14	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực	5	120	28	84	8
MĐ 15	Bảo dưỡng hệ thống treo, lái, phanh	5	120	28	84	8
MĐ 16	Chẩn đoán - sửa chữa PAN ô tô	4	105	15	86	4
II.3	Mô đun thực tập	12	540	0	540	
MĐ 17	Thực tập trải nghiệm	12	540	0	540	
II.4	Ôn thi tốt nghiệp	2	90		90	
	Tổng cộng	71	1.875	376	1.432	67

4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Mã	Môn học	TC	Năm thứ I		Năm thứ II	
	Học kỳ		I	II	III	IV
I	Các môn học chung					
MH01	Chính trị	2	x			
MH02	Pháp luật	1	x			
MH03	Giáo dục thể chất	2	x			
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	x			
MH05	Tin học	2		x		
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	x			
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở bắt buộc					
MH07	Vẽ kỹ thuật	3		x		
MH08	Vật liệu và nguyên lý máy	4		x		
MH09	Ô tô đại cương và an toàn lao động	3		x		
MH10	Sửa chữa cơ khí cơ bản	3		x		
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn bắt buộc					
MĐ11	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	6			x	
MĐ12	Bảo dưỡng hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ đốt trong	4			x	
MĐ13	Bảo dưỡng trang bị điện ô tô	6			x	
MĐ14	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực	5			x	
MĐ15	Bảo dưỡng hệ thống treo, lái, phanh	5				x
MĐ16	Chẩn đoán - sửa chữa PAN ô tô	4				x
III	Mô đun thực tập					
MĐ17	Thực tập trải nghiệm	12				x
IV	Ôn thi tốt nghiệp	2				x
	Tổng cộng	71	12	15	21	23
	Số TC Lý thuyết					
	Số TC Thực hành					
	Số TC Mô đun tích hợp					
	Số tuần thi, ôn thi					
	Số tuần/Học kỳ					

Học kỳ 1

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MH01	Chính trị	2		
2	MH02	Pháp luật	1		

3	MH03	Giáo dục thể chất	2		
4	MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3		
5	MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4		
	Tổng		12		

Học kỳ 2

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MH05	Tin học	2		
2	MH07	Vẽ kỹ thuật	3		
3	MH08	Vật liệu và nguyên lý máy	4		
4	MH09	Ô tô đại cương và an toàn lao động	3		
5	MH10	Sửa chữa cơ khí cơ bản	3		
	Tổng		15		

Học kỳ 3

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MĐ11	Bảo dưỡng động cơ đốt trong	6		
2	MĐ12	Bảo dưỡng hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ đốt trong	4		
3	MĐ13	Bảo dưỡng trang bị điện ô tô	6		
4	MĐ14	Bảo dưỡng hệ thống truyền lực	5		
	Tổng		21		

Học kỳ 4

TT	Mã môn học, mô đun	Tên môn học, mô đun	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
	Môn học, mô đun bắt buộc				
1	MĐ15	Bảo dưỡng hệ thống treo, lái, phanh	5		
2	MĐ16	Chẩn đoán - sửa chữa PAN ô tô	4		
3	MĐ17	Thực tập trải nghiệm	12		
4		Ôn thi tốt nghiệp	2		
	Tổng		23		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tổ chức thăm quan, thực nghiệm tại cơ sở sản xuất.
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh.
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

5.3. Hướng dẫn thi kết thúc môn học/mô đun.

- Cuối mỗi học kỳ, hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô đun; kỳ thi phụ được tổ chức cho học sinh chưa dự thi kết thúc môn học, mô đun hoặc có môn học, mô đun có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, hiệu trưởng có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun vào thời điểm khác cho học sinh đủ điều kiện dự thi.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do hiệu trưởng quyết định.

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô đun trong cùng một buổi thi của một học sinh.

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô đun phải bố trí giáo

viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho học sinh ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi.

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun chi tiết.

- Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô đun.

- Riêng 2 Mô đun thực tập được đánh giá bằng báo cáo thực tập có nhận xét của doanh nghiệp nơi học sinh tham gia thực tập.

5.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp.

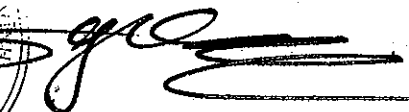
Học sinh phải học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện thi sẽ được dự thi tốt nghiệp.

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 8 giờ

5.5. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số mô đun đào tạo trong chương trình này để xây dựng chương trình sơ cấp nghề (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, các cơ sở đào tạo cần dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình cao đẳng phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG

Phs. Phạm Ngọc Luyến